TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 616/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 12 - 2022
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hoà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Sơn Hùng

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 453/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 456/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 346/2022/QĐ-ST ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ 23, ấp Thạnh Hòa, xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ 10, ấp Thạnh Hòa, xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Mỹ L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn Đ tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống vợ chồng lúc đầu đầm ấm, hạnh phúc, nhưng về sau đời sống vợ chồng không còn hòa hợp, do vợ chồng bất đồng quan điểm. Hơn nữa bà L thường hay bị ông Đ đánh đập nên không thể chung sống với ông Đ được nữa, vì vậy vợ chồng đã ly thân khoảng hơn 6 tháng nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Đ Huy 24/04/2005 và Nguyễn Thị Mỹ Trinh, sinh ngày 11/03/2019. Hiện Nguyễn Đức Huy đang sống chung với ông Đ, còn Nguyễn Thị Mỹ Trinh đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Mỹ Trinh, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Giao con chung Nguyễn Đ Huy cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình chuẩn bị xét xử bị đơn ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên toà,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Do đó, chủ tọa phiên tòa công bố đơn khởi kiện và toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và quan điểm về vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông Đ; Về con chung: Giao Nguyễn Thị Mỹ Trinh, sinh ngày 11/03/2019 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Giao Nguyễn Đức Huy 24/04/2005 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét; Về án phí, quyền kháng cáo giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Bà L yêu cầu ly hôn và nuôi con với ông Đ. Do đó, HĐXX xác định tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con. Ông Đ có địa chỉ cư trú tại địa bàn huyện Châu Phú nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tài liệu, chứng cứ: Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đã tống đạt thông báo kết quả cho ông Đ được biết. Do đó, Toà án xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công khai, tiếp cận để giải quyết vụ án theo quy định.

[1.3] Về sự vắng mặt, có mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị Mỹ L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

HĐXX thấy rằng, bà L và ông Đ đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú. Do đó, hôn nhân giữa bà L và ông Đ là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định, *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*.

Bà L cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng đã ly thân gần 01 năm nay. HĐXX thấy rằng, quá trình chuẩn bị xét xử Toà án đã thực hiện thủ tục hoà giải để tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng ông Đ vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến. Điều này thể hiện ông Đ không có mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, Tòa án động viên bà L tạo cơ hội để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà L quyết tâm ly hôn với ông Đ. HĐXX thấy rằng, giữa bà L và ông Đ đã không còn thương yêu, không thể quan tâm, giúp đỡ, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau được nữa. Do đó, ông bà đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hoà giải tại Toà án không thành thì Toà án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được"*.

Từ những phân tích trên, HĐXX thấy rằng yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông Đ là phù hợp các quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung:

HĐXX thấy rằng, bà L và ông Đ có 02 con chung tên Nguyễn Đức Huy 24/04/2005 và Nguyễn Thị Mỹ Trinh, sinh ngày 11/03/2019. Từ lúc ly thân đến nay cháu Nguyễn Đức Huy do ông Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu Nguyễn Thị Mỹ Trinh do bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà L yêu cầu

được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đối với cháu Nguyễn Thị Mỹ Trinh, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con; giao Nguyễn Đức Huy cho ông Đ tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. HĐXX thấy rằng, từ lúc vợ ông bà sống ly thân đến nay ông bà đã trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy các cháu vẫn đảm bảo cuộc sống của cháu.

Do đó, nhằm đảm bảo sự ổn định về tâm lý, cuộc sống, sinh hoạt của các cháu nên HĐXX tiếp tục giao Nguyễn Đức Huy cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao Nguyễn Thị Mỹ Trinh cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, HĐXX thấy rằng bà L không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ông Đ cũng không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:

HĐXX thấy rằng, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Đ không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí:

Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Đ không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ L đối với ông Nguyễn Văn Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 225 ngày 18/9/2006 của UBND xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung:

Giao Nguyễn Thị Mỹ Trinh, sinh ngày 11/03/2019 cho bà Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Giao Nguyễn Đức Huy 24/04/2005 cho ông Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị Mỹ L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0004820 ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, đương sự có mặt tính kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tính kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- UBND xã Thạnh Mỹ Tây, H.Châu Phú;
- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Hòa